BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/500

0 10 20 30 40 50M

0 2 4 6 8 10CM

1 cm tr¹n b®n ®å b»ng 5 m tr¹n thùc ®a

TT	Chỉ tiêu quy hoạch theo các Quyết định (Quyết định số 3459/QĐ-UBND ngày 11/06/2024 của UBND huyện Đan Phượng)									Chỉ tiêu quy hoạch theo Đề xuất điều chỉnh cục bộ QHCT tỷ lệ 1/500								Ghi chú
	Tên ô đất	Diện tích (m^2)	Diện tích xây dựng (m^2)	Tầng cao TB (tầng)		Mật độ xây dựng (%)	Hệ số sử dụng đất	Số lô/ căn hộ	Dân số	Tên ô đất	Diện tích (m^2)	Diện tích xây dựng (m^2)	Tầng cao tối đa (tầng)		Mật độ xây dựng tối đa (%)	Hệ số sử dụng đất	Số lô/ căn hộ	Dân số	
				Nổi	Hầm								Nổi	Hầm					
1	BT-01	3.452,2	2.071,3	3,5	1	60,0	2,1	17	68	LK-01	3.452,2	3.107,0	4	-	90	4	44	176	Điều chỉnh chức năng sử dụng đất từ đất biệt thự sang đất liền kề
2	BT-02	3.905,9	2.343,5	3,5	1	60,0	2,1	20	80	LK-02	3.905,90	3.515,3	4	-	90	4	52	208	
3	BT-03	2.482,7	1.489,6	3,5	1	60,0	2,1	12	48	LK-03	3.896,70	3.507,0	4	-	90	4	52	208	
	LK-01	1.414,0	1.201,9	4	1	85,0	3,4	12	48										
4	BT-04	1.518,2	910,9	3,5	1	60,0	2,1	7	28	LK-04	2.572,00	2.314,8	4	-	90	4	32	128	
	LK-02	1.053,8	895,7	4	1	85,0	3,4	10	40										
5	BT-05	2.578,0	1.546,8	3,5	1	60,0	2,1	12	48	BT-05	2.578,00	2.320,2	4	-	90	4	32	128	
6	BT-06	1.433,5	860,1	3,5	1	60,0	2,1	6	24	BT-06	1.433,50	1.290,2	4	-	90	4	17	68	
7	BT-07	567,5	340,5	3,5	1	60,0	2,1	2	8	BT-07	567,50	510,8	4	-	90	4	6	24	
8	BT-08	2.208,3	1.325,0	3,5	1	60,0	2,1	9	36	BT-08	2.208,30	1.987,5	4	-	90	4	29	116	
9	BT-09	1.268,4	761,0	3,5	1	60,0	2,1	6	24	BT-09	2.557,20	2.301,5	4	-	90	4	36	144	
	LK-03	1.288,8	1.095,5	4	1	85,0	3,4	12	48										
Tổng		**23.171,3**	**14.841,9**	**4,0**	**1,0**	**795,0**	**29,1**	**125,0**	**500,0**		**23.171,3**	**20.854,2**	**4,0**	**-**	**810,0**	**36,0**	**300,0**	**1.200,0**	

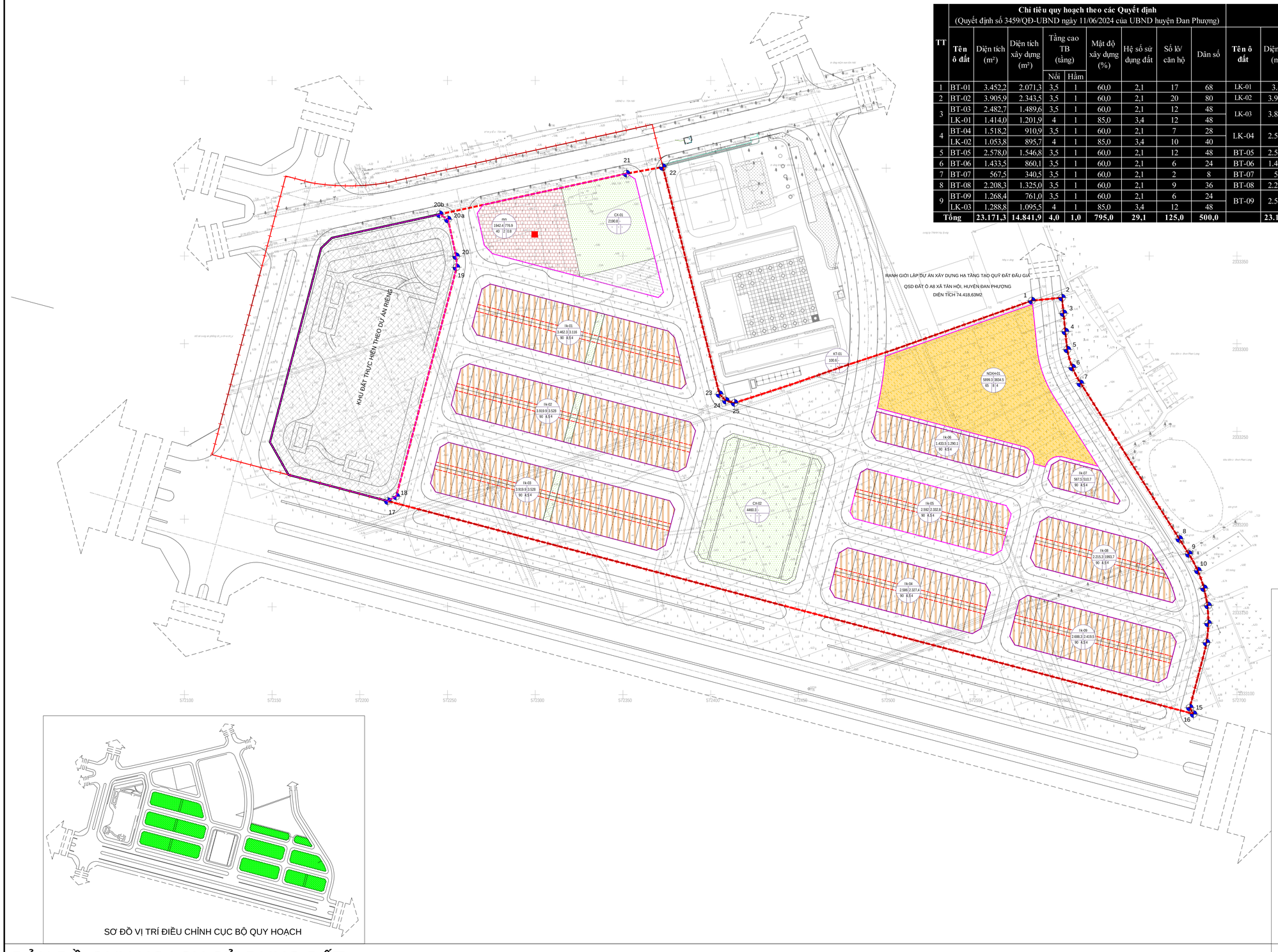

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH

KÝ HIỆU

- RANH GIỚI THỰC HIỆN DỰ ÁN
- CHỈ GIỚI ĐƯỜNG ĐỎ
- CHỈ GIỚI XÂY DỰNG
- ĐẤT NHÀ Ở LIỀN KỀ
- ĐẤT NHÀ CHUNG CƯ
- ĐẤT NHÀ BIỆT THỰ
- ĐẤT TRƯỜNG THCS, TH, MN
- ĐẤT CÂY XANH CÔNG CỘNG
- ĐẤT BÃI ĐỖ XE
- ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT
- TRƯỜNG MẦM NON
- BÃI ĐỖ XE
- ĐIỂM TẬP KẾT RÁC TẠM THỜI

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

(THEO QĐ SỐ 3459/QĐ-UBND NGÀY 11/6/2024 CỦA UBND HUYỆN ĐAN PHƯỢNG)

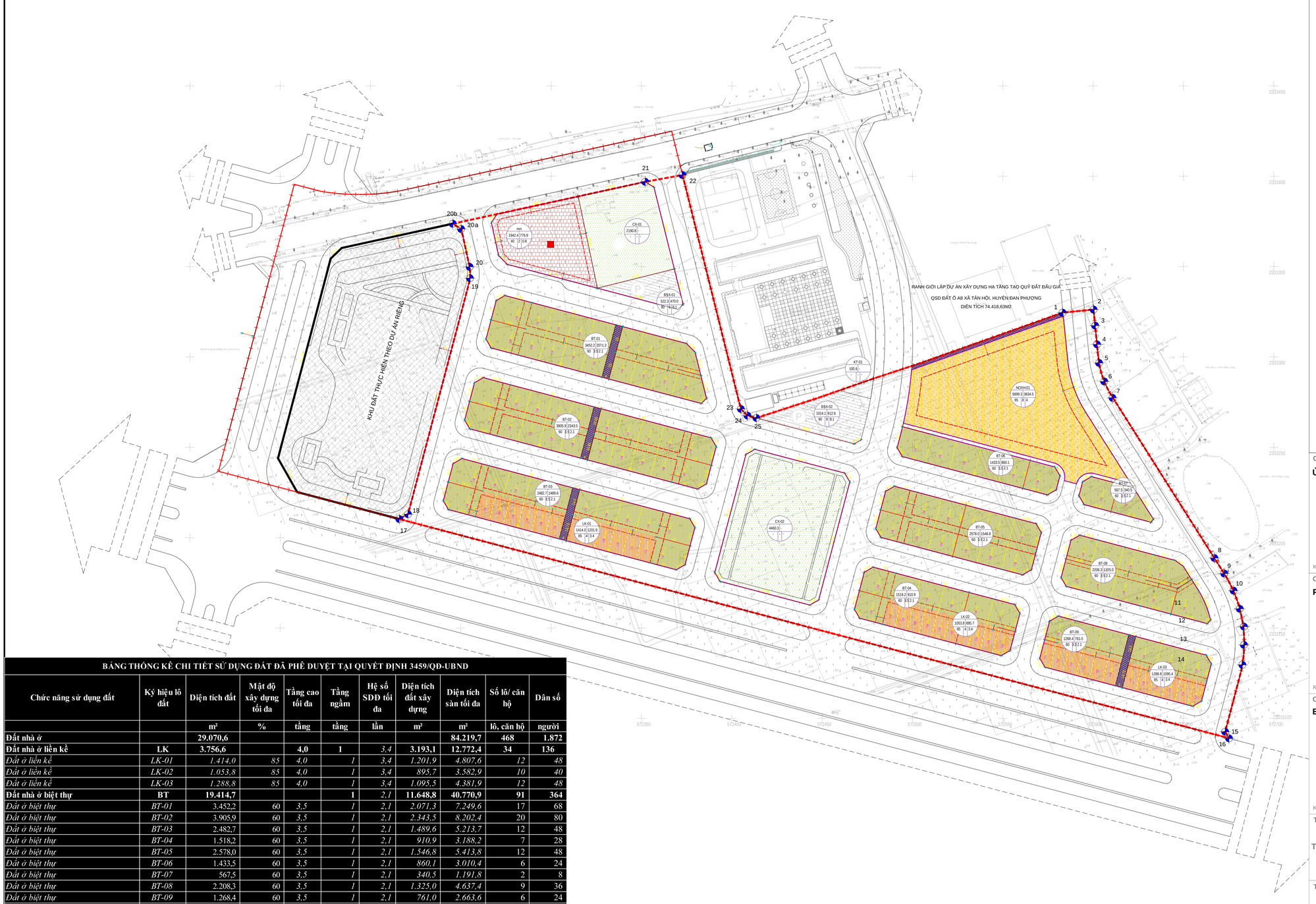

KÝ HIỆU

- RANH GIỚI THỰC HIỆN DỰ ÁN
- CHỈ GIỚI ĐƯỜNG ĐỎ
- CHỈ GIỚI XÂY DỰNG
- ĐẤT NHÀ Ở LIỀN KỀ
- ĐẤT NHÀ CHUNG CƯ
- ĐẤT NHÀ BIỆT THỰ
- ĐẤT TRƯỜNG THCS, TH, MN
- ĐẤT CÂY XANH CÔNG CỘNG
- ĐẤT BÃI ĐỖ XE
- ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT
- TRƯỜNG MẦM NON
- BÃI ĐỖ XE
- ĐIỂM TẬP KẾT RÁC TẠM THỜI

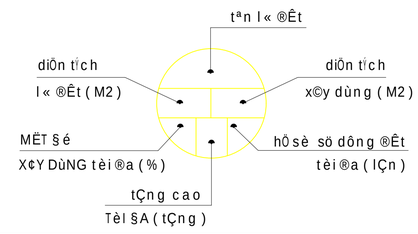

BẢNG THỐNG KÊ CHI TIẾT SỬ DỤNG ĐẤT ĐÃ PHÊ DUYỆT TẠI QUYẾT ĐỊNH 3459/QĐ-UBND

Chức năng sử dụng đất	Ký hiệu lô đất	Diện tích đất	Mật độ xây dựng tối đa	Tầng cao tối đa	Tầng ngầm	Hệ số SDĐ tối đa	Diện tích đất xây dựng	Diện tích sàn tối đa	Số lô/ căn hộ	Dân số
		m²	%	tầng	tầng	lần	m²	m²	lô, căn hộ	người
Đất nhà ở		**29.070,6**						**84.219,7**	**468**	**1.872**
Đất nhà ở liền kề	**LK**	**3.756,6**		**4,0**	**1**	*3,4*	**3.193,1**	**12.772,4**	**34**	**136**
Đất ở liền kề	*LK-01*	*1.414,0*	*85*	*4,0*	*1*	*3,4*	*1.201,9*	*4.807,6*	*12*	*48*
Đất ở liền kề	*LK-02*	*1.053,8*	*85*	*4,0*	*1*	*3,4*	*895,7*	*3.582,9*	*10*	*40*
Đất ở liền kề	*LK-03*	*1.288,8*	*85*	*4,0*	*1*	*3,4*	*1.095,5*	*4.381,9*	*12*	*48*
Đất nhà ở biệt thự	**BT**	**19.414,7**			**1**	*2,1*	**11.648,8**	**40.770,9**	**91**	**364**
Đất ở biệt thự	*BT-01*	3.452,2	60	*3,5*	*1*	*2,1*	*2.071,3*	*7.249,6*	17	68
Đất ở biệt thự	*BT-02*	3.905,9	60	*3,5*	*1*	*2,1*	*2.343,5*	*8.202,4*	20	80
Đất ở biệt thự	*BT-03*	2.482,7	60	*3,5*	*1*	*2,1*	*1.489,6*	*5.213,7*	12	48
Đất ở biệt thự	*BT-04*	1.518,2	60	*3,5*	*1*	*2,1*	*910,9*	*3.188,2*	7	28
Đất ở biệt thự	*BT-05*	2.578,0	60	*3,5*	*1*	*2,1*	*1.546,8*	*5.413,8*	12	48
Đất ở biệt thự	*BT-06*	1.433,5	60	*3,5*	*1*	*2,1*	*860,1*	*3.010,4*	6	24
Đất ở biệt thự	*BT-07*	567,5	60	*3,5*	*1*	*2,1*	*340,5*	*1.191,8*	2	8
Đất ở biệt thự	*BT-08*	2.208,3	60	*3,5*	*1*	*2,1*	*1.325,0*	*4.637,4*	9	36
Đất ở biệt thự	*BT-09*	1.268,4	60	*3,5*	*1*	*2,1*	*761,0*	*2.663,6*	6	24
Đất nhà ở xã hội	**OXH**	**5.899,3**			**1**	***5,2***	**3.834,5**	**30.676,4**	**343**	**1.372**
Đất nhà ở xã hội	***OXH:01***	5.899,3	***65***	***8,0***	***1***	***5,2***	*3.834,5*	*30.676,4*	343	1.372
Tầng hầm đỗ xe				*1,0*	*1*					
Khối đế (công cộng,bãi đỗ xe)			*65*	*3,0*				*11.503,6*		
Khối tháp (căn hộ ở)			*65*	*5,0*				*19.172,7*		
Đất công trình dịch vụ - công cộng		**13.545,2**				***14,4***	***5.882,2***	**195.552,7**		
Đất giáo dục		1.942,4	**40**	**2,0**	**1**	***0,8***		**1.553,9**		
Trường mầm non	*MN*	1.942,4	*40*	*2,0*	*1*	***0,8***	*777,0*	*1.553,9*		
Đất thương mại dịch vụ		**11.602,8**	**44**	**38,0**				**193.998,8**		
Đất hỗn hợp dịch vụ thương mại	*HHTM-DV*	11.602,8	***44***	***38,0***	*3*	***16,7***	*5.105,2*	*193.998,8*		
Tầng hầm đỗ xe				3,0	3					
Tầng thương mại			*44*	*38,0*						
Đất cây xanh sử dụng công cộng	**CX**	**6.637,4**				***0,05***	**331,9**	**331,9**		
Đất cây xanh sử dụng công cộng	CX-01	2.190,8	*5*	*1,0*		***0,05***	*109,5*	*109,5*		
Đất cây xanh sử dụng công cộng	CX-02	4.446,6	*5*	*1,0*		***0,05***	*222,3*	*222,3*		
Đất bãi đỗ xe	**BĐX**	**1.536,4**				***8,10***		**12.444,8**		
Đất bãi đỗ xe	*BĐX-01*	*522,3*	*90*	*9,0*		*8,10*	*470,1*	*4.230,6*		
Đất bãi đỗ xe	*BĐX-02*	*1.014,1*	*90*	*9,0*		*8,10*	*912,7*	*8.214,2*		
Đất công trình hạ tầng kỹ thuật		**744,6**				**-**				
Điểm tập kết rác tạm thời	*KT-01*	100,6								
Đất hạ tầng kỹ thuật đơn vị ở		644,0								
Đất giao thông		**44.226,5**								
Tổng		**95.760,7**						**292.549,1**		

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ Ô DIÊN

KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ ...../QĐ-UBND NGÀY.....THÁNG.....NĂM 2026

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:

PHÒNG KINH TẾ XÃ Ô DIÊN

KÈM THEO BÁO CÁO THẨM ĐỊNH SỐ ...../TTr-..... NGÀY.....THÁNG.....NĂM 2026

CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ Ô DIÊN

KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ ...../TTr-..... NGÀY.....THÁNG.....NĂM 2026

TÊN ĐỒ ÁN:

ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT 1/ 500 DỰ ÁN XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở KHU ĐẤT KÝ HIỆU A8 XÃ TÂN HỘI, HUYỆN ĐAN PHƯỢNG (NAY LÀ XÃ Ô DIÊN, TP.HÀ NỘI)

ĐỊA ĐIỂM: XÃ Ô DIÊN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ:

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

BẢN VẼ: QH-02	GHÉP: 04A0	TỶ LỆ: 1/500	HT: 06/2026
THIẾT KẾ	KTS. NGUYỄN MINH QUANG		
CHỦ TRÌ	KTS. TRẦN TÙNG DƯƠNG		
CHỦ NHIỆM	KTS. TRẦN TÙNG DƯƠNG		
QL.KỸ THUẬT	KTS. NGUYỄN LAM GIANG		

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN TÙNG DƯƠNG

GTDGROUP
ARCHITECTURE - PLANNING - INTERIOR - CONSTRUCTION
c«ng ty cæ phÇn gtdgroup
ĐỊA CHỈ: SỐ 44B TĂNG BẠT HỔ, P.HAI BÀ TRƯNG, HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: +84 (0)4 3972 8448 FAX: +84 (0)4 3972 8448
MÃ SỐ THUẾ: 0104255605
WEB: HTTP://WWW.GTDGROUP.NET